

Bản án số: 45/2026/DS-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v “Tranh chấp về đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hạ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Anh.
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2026/QĐST-DS ngày 13/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1963.
Địa chỉ: **Số nhà A, tổ G, ấp T, xã X, thành phố Đ**. Vắng mặt.
- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Diễm L**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: **Ấp T, xã X, thành phố Đ**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Phạm Thị D** trình bày:*

Vào ngày 12/01/2012 âm lịch (là ngày 03/3/2012 dương lịch), bà **Huỳnh Thị Diễm L** có mượn 02 chỉ vàng 9999 của bà, để giải quyết công việc riêng của bà **L**; thời hạn trả vàng là đến ngày 25/12/2012 âm lịch. Việc mượn vàng có lập thành văn bản, giấy mượn vàng do bà **Huỳnh Thị Diễm L** tự viết và ký tên. Tuy nhiên, khi đến hạn trả vàng thì bà **L** không trả như cam kết. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà **L** thực hiện nghĩa vụ nhưng bà **L** vẫn không chịu trả, còn có thái độ thách thức bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **Huỳnh Thị Diễm L** phải trả lại cho bà 02 chỉ vàng 9999, không yêu cầu lãi suất.

Việc bà L mượn vàng của bà thì chồng bà L là ông Nguyễn Văn Đ không biết, không tham gia giao dịch nên bà chỉ yêu cầu một mình bà L phải trả lại vàng cho bà.

Chồng bà là ông Thân Văn T, sinh năm 1965, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 97/QĐ ngày 30/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Từ đó đến nay, bà sống độc thân, việc cho bà L mượn vàng không còn liên quan đến ai khác, đây là tài sản riêng của bà.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

- Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Bà Huỳnh Thị Diễm L, sinh năm 1977, hiện có đăng ký thường trú và thực tế đang sinh sống tại tổ G, ấp T, xã X, thành phố Đ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D, buộc bà Huỳnh Thị Diễm L phải trả lại cho bà Phạm Thị D 02 chỉ vàng 9999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Diễm L phải trả lại số vàng đã mượn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*”, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Thị Diễm L có nơi cư trú tại ấp T, xã X, thành phố Đ. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Bà Phạm Thị D khởi kiện bà Huỳnh Thị Diễm L nên xác định bà Phạm Thị D là nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Diễm L là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Thị Diễm L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị D và bà Huỳnh Thị Diễm L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Tại giấy mượn vàng ngày 12/01/2012 âm lịch do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà Huỳnh Thị Diễm L có mượn của bà Phạm Thị D 02 chỉ vàng 9999, thời

hạn trả từ ngày 12/01/2012 âm lịch đến ngày 25/12/2012 âm lịch. Giấy mượn vàng có chữ viết và chữ ký của người mượn là bà Huỳnh Thị Diễm L. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị D xác định đã giao đủ số vàng cho bà L theo thỏa thuận và đến nay bà L vẫn chưa hoàn trả.

[4.2] Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để tham gia tố tụng, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán khoản nợ hoặc có ý kiến phản đối đối với giấy mượn vàng nêu trên, nhưng bà Huỳnh Thị Diễm L không đến làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Xét thấy, giấy mượn vàng ngày 12/01/2012 âm lịch là chứng cứ thể hiện việc giao dịch vay mượn giữa bà Phạm Thị D và bà Huỳnh Thị Diễm L đã được xác lập hợp pháp. Bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà D 02 chỉ vàng 9999 khi đến hạn. Tuy nhiên, đến nay bà L vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận của hai bên.

[4.4] Đối với việc bà Phạm Thị Diệu C yêu cầu một mình bà Huỳnh Thị Diễm L thực hiện nghĩa vụ trả nợ và xác định ông Nguyễn Văn Đ không tham gia giao dịch, không biết việc vay mượn vàng nên không yêu cầu ông Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D, buộc bà Huỳnh Thị Diễm L phải trả cho bà Phạm Thị D 02 chỉ vàng 9999 (quy đổi 02 chỉ vàng 9999 thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 29.300.000 đồng)

[4.6] Về lãi suất: Bà Phạm Thị D không yêu cầu tính lãi đối với khoản vàng cho mượn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, các bên không có thỏa thuận gì khác, nên bà Phạm Thị D không phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Thị Diễm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, là: $29.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.465.000 \text{ đồng}$. Bà Phạm Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị D** về việc tranh chấp đòi lại tài sản đối với bà **Huỳnh Thị Diễm L**:

Buộc bà **Huỳnh Thị Diễm L** phải trả cho bà **Phạm Thị D** 02 (hai) chỉ vàng 9999.

2. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Diễm L** phải nộp 1.465.000 đồng (*Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 – Đồng Nai;
- VKSND Tp. Đồng Nai;
- THADS Tp. Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hạ